TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHỤNG HIỆP** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 17-02-2023
V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHỤNG HIỆP, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hiếu
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thành Quyến
Ông Nguyễn Văn Dương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà Linh – Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phụng Hiệp tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 656/2022/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2022,về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 31 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Huỳnh Ngọc C, sinh năm 1972; Trú tại: ấp B, thị trấn C, huyện H, tỉnh Hậu Giang. Có đơn xin xét xử vắng mặt

Bị đơn: Anh Lê Hoàng T, sinh năm 1975; Trú tại: ấp B, thị trấn C, huyện H, tỉnh Hậu Giang. Có đơn xin xét xử vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Chị Huỳnh Ngọc C trình bày: Về quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn tự nguyện kết hôn năm 1995 nhưng không thực hiện đăng ký kết hôn. Trong thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2004 nguyên đơn và bị đơn phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, thường xuyên cự cải. Hai vợ chồng không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau trong thời gian dài, nguyên đơn nhiều lần tìm cách hàn gắn

nhưng không thành. Nguyên đơn cho rằng mục đích hôn nhân không đạt được nên nguyên đơn xin ly hôn với bị đơn; Về con chung, có hai con chung tên Lê Huỳnh D (giới tính nam), sinh năm 1997 và Huỳnh Phương T(giới tính nữ), sinh năm 2003 hiện đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Trịnh Quốc Sơn trình bày: Về quan hệ hôn nhân, thừa nhận có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương trên cơ sở tự nguyện năm 1995 nhưng không đăng ký kết hôn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống không hòa đồng trong thời gian dài; Về con chung, có hai con chung tên Lê Huỳnh D (giới tính nam), sinh năm 1997 và Huỳnh Phương T(giới tính nữ), sinh năm 2003 hiện đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phụng Hiệp tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm như sau: Về việc tuân theo pháp luật: Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục của Bộ luật tố tụng dân sự quy định. Về nội dung vụ án, đề nghị: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Về con đã trưởng thành nên không xem xét; Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu nên không xem xét.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định pháp luật.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét nguyên nhân mâu thuẫn giữa các đương sự, là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, thường xuyên xảy ra cải vả, vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, làm cho mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Các đương sự không gặp gỡ để bàn biện pháp hàn gắn hôn nhân, không còn quan tâm lẫn nhau, chứng minh quan hệ hôn nhân giữa các

đương sự đã thực sự lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Tuy nhiên, xét hôn nhân giữa các đương sự tuy được xác lập trên cơ sở tự nguyện, nhưng không đăng ký kết hôn theo luật định. Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 14; Điều 53 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa nguyên đơn và bị đơn.

[4] Về con chung: Đã trưởng thành các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung nguyên đơn và bị đơn không yêu cầu nên không xem xét.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải nộp toàn bộ án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144 và Điều 147, Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các điều 9, 14, 15, 16, 53 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Điểm a khoản 1 Điều 24 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa nguyên đơn Chị Huỳnh Ngọc C với bị đơn Anh Lê Hoàng T.

2. Về con chung: Đã trưởng thành nên không xem xét.

3. Về tài sản chung, nợ chung các đương sự khai không có nên không xem xét.

4. Về án phí: Nguyên đơn Chị Huỳnh Ngọc C phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ từ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0000599 ngày 28 tháng 10 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phụng Hiệp thành án phí.

5. Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định pháp luật.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND huyện Phụng Hiệp;
- Chi cục THADS huyện Phụng Hiệp;
- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân nơi thực hiện đăng ký kết hôn;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Minh Hiếu